TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2020/DS-ST
Ngày 15-7-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Tùng**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Tống Xuân Quyết**.
2. Ông **Hoàng Văn Bốn**.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Diệu Thương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông **Hoàng Đức Hợp** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2019/TLST-DS, ngày 26 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Thôn 5 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang
- Bị đơn: Ông **Nông Văn T**, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông D, ông T đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày như sau:

Năm 2017, tôi có cho ông Nông Văn T vay số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), khi vay có lập giấy tờ, trực tiếp ông T nhận tiền và ký vào giấy vay tiền, sau đó ông T đã trả được cho tôi số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), còn lại 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) ông T không trả cho tôi, tôi đã trực tiếp đến nhà ông T đòi nhiều lần nhưng không được. Đến ngày 25/11/2018 ông T viết lại giấy vay tiền cho tôi với nội dung ông T vay tôi số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), giấy vay tiền trên do chính ông T ký tên xác nhận vay tiền, theo thỏa thuận thời hạn vay từ 25/11/2018 đến ngày 20/12/2019 thì ông T phải trả cho tôi số tiền đã vay trên và lãi suất do hai bên thỏa thuận. Đến thời hạn trả nợ, tôi

đã yêu cầu ông T trả số tiền vay trên cho tôi nhưng ông T không trả nợ cho tôi, tôi đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông T không trả.

Nay tôi khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông Nông Văn T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 25/12/2019 là 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền tôi yêu cầu ông T phải trả cả gốc và lãi cho tôi là 52.350.000 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra tôi không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

Tại Biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nông Văn T trình bày:

Năm 2017, tôi và anh T (tên đầy đủ như thế nào tôi không rõ) địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang và ông Ma Văn N, địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cùng đến nhà ông Lê Văn D vay số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), khi vay có lập giấy tờ vay tiền do tôi và anh T cùng nhau ký vào giấy vay tiền, giấy tờ vay tiền trên tôi không được giữ. Sau khi vay về, chúng tôi chia nhau: tôi sử dụng 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), anh T sử dụng 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và ông N sử dụng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Đối với số tiền tôi sử dụng tôi đã trả ông D đầy đủ cả gốc lẫn lãi vào khoảng năm 2018, khi trả tiền tôi và ông D không lập giấy tờ gì.

Ngày 25/11/2018 tôi, ông D và ông N cùng nhau ăn cơm tại nhà ông N tại thôn M, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ông D có bảo với tôi là giấy vay tiền gốc đã rách nên làm lại giấy tờ khác (thời điểm này tôi đã trả đủ cả gốc và lãi cho ông D). Sau khi ông D nói tôi nhất trí, do tôi không viết quen nên tôi nhất trí để ông D viết giấy vay tiền ngày 25/11/2018 nội dung tôi vay tiền với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và lãi suất thỏa thuận hẹn đến ngày 25/12/2019 tôi sẽ trả đủ cho anh D. Sau khi anh D viết giấy vay tiền xong tôi có trực tiếp ký vào phần người vay tiền. Khi ký vào giấy vay tiền tinh thần tôi hoàn toàn tỉnh táo và không bị ai ép buộc gì. Tôi xác định tôi không nợ riêng với ông D mà chỉ nợ chung với anh T vay ông D số tiền từ năm 2017.

Tôi không nhất trí trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) như ông D yêu cầu. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, lấy lời khai của ông Ma Văn N và ông Tô Văn T, cụ thể như sau:

Ông Tô Văn T cho biết việc ông Lê Văn D khởi kiện ông Nông Văn T buộc ông T phải trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 2.350.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi, ông không có ý kiến gì. Việc vay số tiền trên là do ông T trực tiếp vay và ký nhận nợ với ông D, ông T không trực tiếp vay ông D. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Ma Văn N cho biết ông cũng không liên quan gì đến việc ông Lê Văn D cho ông Nông Văn T vay tiền. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và không đưa ông vào tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ đương sự cung cấp cho Tòa án.

Ông Lê Văn D cung cấp các tài liệu chứng cứ sau đây:

1. Giấy vay tiền đề ngày 25/11/2018 (Bản gốc);

2. 01 Sổ hộ khẩu (bản phô tô);

3. 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn D (bản phô tô có chứng thực);

Ông Nông Văn T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Ngoài ra các đương sự không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã hòa giải cho các bên đương sự nhiều lần, nhưng không thành. Các bên đương sự cùng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện theo đúng quy định; bị đơn còn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470, 357 của Bộ luật dân sự; Các Điều 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Nông Văn T có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn D tổng số tiền là 52.350.000 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi. Ông T phải chịu lãi suất nếu chậm trả tiền theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Nông Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Ông D không phải chịu án phí dân sơ thẩm.

- Tuyên quyền kháng cáo bản án của các được sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Ông Lê Văn D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc vay tài sản với ông Nông Văn T nên xác định đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nông Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn M, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự*: Nguyên đơn ông Lê Văn D chấp hành đúng các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị

đơn ông Nông Văn T chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật khi Tòa án báo gọi và tham gia phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Năm 2017, ông Lê Văn D có cho ông Nông Văn T vay số tiền là 120.000.000 đồng, khi vay có lập giấy tờ, trực tiếp ông T nhận tiền và ký vào giấy vay tiền, sau đó ông T đã trả được cho ông D số tiền là 70.000.000 đồng, số tiền còn lại là 50.000.000 đồng, ông T chưa trả cho ông D. Đến ngày 25/11/2018 ông T viết lại giấy vay tiền cho ông D với nội dung ông T vay ông D số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), giấy vay tiền trên do chính ông T ký tên xác nhận vay tiền, theo thỏa thuận thời hạn vay từ 25/11/2018 đến ngày 20/12/2019 thì ông T phải trả cho ông D số tiền đã vay trên và lãi suất do hai bên thỏa thuận. Đến thời hạn trả nợ, ông D đã yêu cầu ông T trả số tiền vay trên nhưng ông T không trả nợ cho ông D, mặc dù ông D đã đòi nợ nhiều lần.

Theo chứng cứ ông Lê Văn D nộp cho Tòa án là 01 giấy vay tiền ngày 25/11/2018 có chữ ký của ông Nông Văn T. Ông T cũng thừa nhận ông có vay tiền của ông D và chữ ký trong giấy vay tiền chính xác là chữ ký của ông, khi ký vào giấy vay tiền ông hoàn toàn tự nguyện, với tinh thần hoàn toàn tỉnh táo, không bị ai ép buộc. Ngoài ra ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh ông T đã trả số tiền đã vay trên cho ông D. Do vậy cầu khởi kiện của ông Lê Văn D yêu cầu ông Nông Văn T phải trả tổng số tiền là 52.350.000đ (Năm mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 2.350.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi là có căn cứ, cần chấp nhận.

Việc ông Nông Văn T cho rằng việc vay nợ có liên quan đến ông Tô Văn T và ông Ma Văn N, nội dung này Tòa án đã đi xác minh và ông T, ông N xác định việc vay nợ là việc vay riêng giữa ông D với ông T, không liên quan đến họ. Do vậy, việc ông Nông Văn T cho rằng số tiền ông vay của ông D là nợ chung giữa ông và ông T là không có căn cứ.

[4] Về án phí:

- Ông Nông Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền phải trả nợ ông D theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Lê Văn D không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470, 357 của Bộ luật dân sự; Các Điều 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử**:

1. Buộc ông Nông Văn T có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn D tổng số tiền là 52.350.000đ (Năm mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó

50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 2.350.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Khoản tiền ông Nông Văn T phải trả cho ông Lê Văn D như trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Lê Văn D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nông Văn T chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Nông Văn T phải chịu 2.617.500 đồng (Hai triệu sáu trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ông Lê Văn D không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.308.000 (Một triệu ba trăm linh tám nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002476 ngày 26/12/2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyền kháng cáo:

- Ông Lê Văn D và ông Nông Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hàm Yên;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tùng